

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2024

Thực hiện thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Phòng TCKH thông báo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2024.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai từ ngày 05/7/2024 đến ngày 05/8/2024.

Địa điểm niêm yết công khai: Bảng tin trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh và Cổng thông tin điện tử thị xã Hồng Lĩnh.

Vậy, Phòng Tài chính - Kế hoạch công khai để các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- TT Thị uỷ, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- KBNN Hồng Lĩnh;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Diễn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
a	b	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	125.000	194.586	155,67	170,00
I	Thu cân đối NSNN	125.000	70.736	56,59	37,61
1	Thu nội địa	125.000	70.736	56,59	37,61
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		123.850		137,28
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	470.205	342.350	72,81	131,67
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	470.205	342.349	72,81	145,89
1	Chi đầu tư phát triển	65.000	194.893	299,84	168,55
2	Chi thường xuyên	400.378	145.764	36,41	122,92
3	Dự phòng ngân sách	4.827	1.691	35,03	379,15
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				-

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	125.000	70.735	57	38
I	Thu nội địa	125.000	70.735	57	38
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	100	1.896	1.896	429
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.000	17.381	91	155
3	Thuế thu nhập cá nhân	5.000	4.045	81	97
4	Thuế bảo vệ môi trường	0	996		
5	Lệ phí trước bạ	18.000	10.768	60	121
6	Thu phí, lệ phí	2.070	1.785	86	109
7	Các khoản thu về nhà, đất				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.800	1.940	108	114
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	65.000	22.437	35	15
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	10.000	5.039	50	82
8	Thu khác ngân sách	4.000	4.067	102	76
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	49		0
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	30	334	1.113	0
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	99.776	50.580	51	52
1	Từ các khoản thu phân chia	3.770	3.629	96	98
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	96.006	46.950	49	36

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	Tổng chi ngân sách địa phương	425.205	342.124	80,46	131,58
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	425.205	342.124	80,46	145,80
I	Chi đầu tư phát triển	65.000	194.893	299,84	168,55
1	Chi đầu tư cho các dự án	65.000	194.893	299,84	168,55
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	355.378	145.539	40,95	122,73
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	133.748	55.997	41,87	127,21
2	Chi y tế, dân số và gia đình	29.285	13.418	45,82	187,04
3	Chi văn hóa thông tin	3.626	2.269	62,57	149,27
4	Chi bảo vệ môi trường	6.400	6.042	94,40	57,89
5	Chi hoạt động kinh tế	105.174	8.729	8,30	210,09
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	56.765	43.382	76,42	132,26
7	Chi bảo đảm xã hội	14.144	7.005	49,52	94,32
8	Chi an ninh - quốc phòng	4.658	6.311	135,49	104,94
-	Chi giữ gìn an ninh và an toàn xã hội	1.460	1.482	101,48	158,28
-	Chi quốc phòng địa phương	3.198	4.829	151,01	95,10
9	Chi hỗ trợ đào tạo				
10	Chi khác ngân sách	1.578	2.386	151,22	70,18
III	Dự phòng ngân sách	4.827	1.691	35,03	379,15
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	0		-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				-